

MÁY NÉN KHÍ TRỤC VÍT KYUNGWON - HÀN QUỐC



*New
Model*



COAIRE
COMPRESSOR

KYUNGWON TẠO RA VÀ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ MÁY NÉN KHÍ HÀN QUỐC

Since 1968

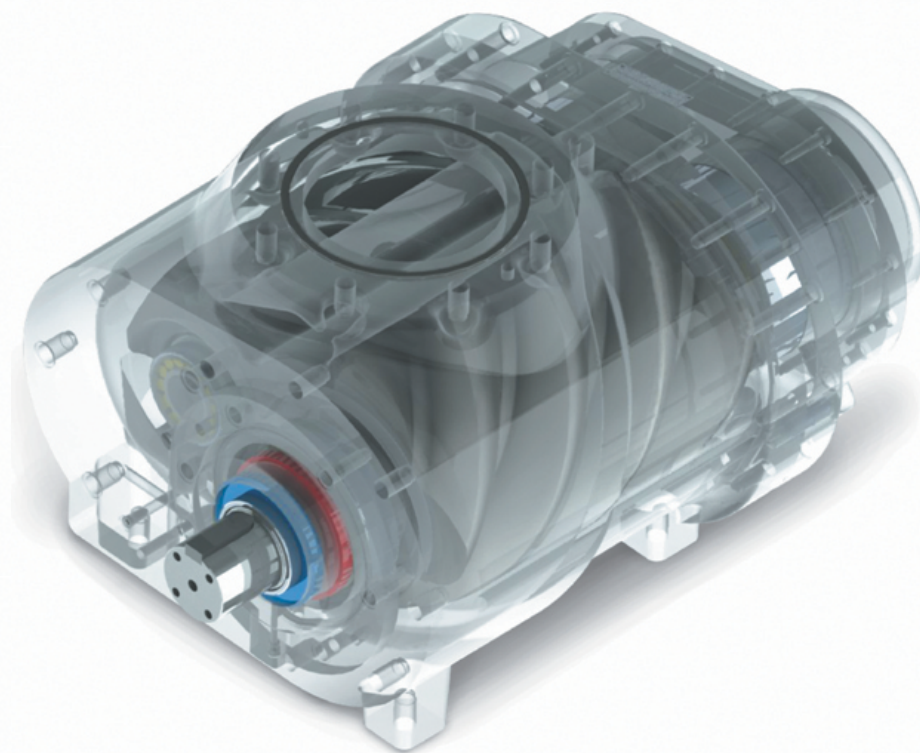
Kể từ khi thành lập năm 1968, Kyungwon là công ty đầu tiên ở Hàn Quốc sản xuất máy nén khí piston. Năm 1986 một lần nữa Kyungwon là công ty đầu tiên Hàn Quốc phát triển và cung cấp máy nén khí trực vít sau hợp tác kỹ thuật với tập đoàn SRM Thụy Điển. Năm 2004 Kyungwon là một trong 3 công ty trên thế giới và là công ty đầu tiên ở Hàn Quốc sản xuất được máy nén khí xoắn ốc không dầu. Công ty đã tạo nên lịch sử máy nén khí mới ở Hàn Quốc.

Năm 2008, công ty cho ra đời dòng máy AS cải tiến, là dòng máy nâng tầm công ty lên là nhà sản xuất máy nén khí nổi tiếng thế giới.

Công ty có khoảng 40 đại lý tại Hàn Quốc, nhiều cơ sở sản xuất và trung tâm dịch vụ khách hàng ở hàng chục quốc gia trên toàn cầu như Mỹ, Nga, Úc, Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, Singapore...để cung cấp cho khách hàng dịch vụ tốt nhất.

Là nhà cung cấp giải pháp khí nén công nghiệp cho các nhà máy, sản phẩm của công ty gồm có máy nén khí không dầu (piston, xoắn ốc, trực vít), máy nén khí có dầu (piston, trực vít, dây đai), máy sấy khí, bộ làm lạnh, bình chứa khí, lọc dầu, lọc khí, tách dầu...đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng.

Trong tương lai, Kyungwon sẽ viết tiếp lịch sử máy nén khí Hàn Quốc trong nỗ lực trở thành nhà sản xuất hàng đầu thế giới về công nghiệp máy nén khí.



Sản phẩm chính

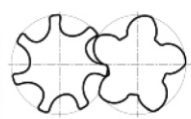
Máy nén khí có dầu	Máy nén khí không dầu	Phụ tùng máy nén khí
<p>Máy nén khí piston Model: 5~20HP</p> <p>Máy nén khí trực vít Model: Dẫn động dây đai 7.5~20HP Dẫn động trực tiếp 25~500HP Máy trộn bộ 7.5~15HP Máy biến tần 50~250HP</p>	<p>Máy nén khí piston Model: Loại đóng hộp 1~7.5HP Loại trần 1~15HP</p> <p>Máy nén khí xoắn ốc Model: Dùng trong nha khoa 2~5HP Máy trộn bộ 3~20HP Máy tiêu chuẩn 3~50HP</p> <p>Máy nén khí trực vít Model: 75~400HP</p>	<p>Máy sấy khí Làm lạnh/Làm khô</p> <p>Bộ làm mát khô cuối</p> <p>Bình chứa khí</p> <p>Tháp làm mát (bằng nước)</p> <p>Lọc khí</p> <p>Van xả nước</p> <p>Tách dầu - nước</p>

🔴 Đầu nén thể hệ thứ 5, biên dạng “α”

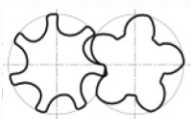
- Giảm cường độ lỗ thổi khí và biên độ trượt khi máy khởi động nhằm làm giảm tối đa xóc đầu nén do rung động. Đồng thời giảm tiếng ồn và tổn thất công suất.
- Tăng độ chính xác bằng cách tăng áp suất trong vùng không gian rô tơ.
- Dây phốt giảm tối thiểu rò rỉ khí và tăng hiệu suất nén.
- Biên dạng “α” có hiệu suất nhiệt tăng 9% so với thiết kế truyền thống.



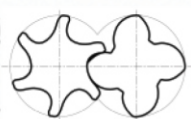
Profile Progress



SRM A Profile, 1977



SRM C Profile, 1979



SRM D Profile, 1982



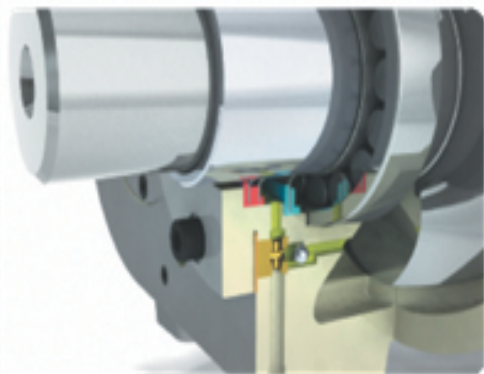
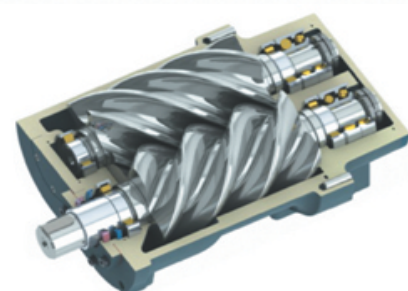
SRM G Profile, 1998



KMC "α" Profile, 2008

🔴 Chống mài mòn tốt hơn

- Đầu nén Kyungwon được đúc bằng công nghệ và kỹ thuật tốt nhất Hàn Quốc.
- Phân tích kết cấu và ứng suất đầu nén dựa trên công nghệ đúc chiều dày với kết cấu cải tiến, giảm rung động và tiếng ồn.
- Áp dụng công nghệ cân bằng cấp độ G2.5, giảm rung động khi quay tốc độ cao để tăng tuổi thọ ổ bi.
- Sử dụng kết cấu 2 ổ bi để tăng độ vững chắc của đầu nén dưới tác động của tải dọc trục.

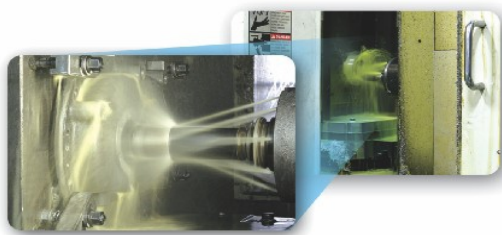


🔴 Hệ phốt kín tăng tuổi thọ đầu nén

- Hệ phốt làm kín 3 cấp giải quyết triệt để vấn đề rò rỉ ở đầu nén.
- Có đường hồi dầu giữa phốt thứ nhất và thứ 2 ngăn không cho dầu đi vào vùng bên trong.
- Sử dụng phốt chặn rò rỉ dầu tối ưu nhất.

CÔNG SUẤT MẠNH MẼ

🕒 Thiết bị chế tạo hiện đại



▲ Quy trình đúc MCT

Vỏ đầu nén được đúc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO.



▲ Quy trình phay tiện Rô to

Rô to được cắt gọt trải qua 3 giai đoạn gia công chính xác. Phay sơ bộ tạo hình, phay bán hoàn thiện và gia công hoàn thiện.

▶ Quy trình ghép đầu nén

Hiệu suất và độ chính xác cao nhờ sử dụng máy ghép đầu nén tiên tiến nhất.



◀ Quy trình mài

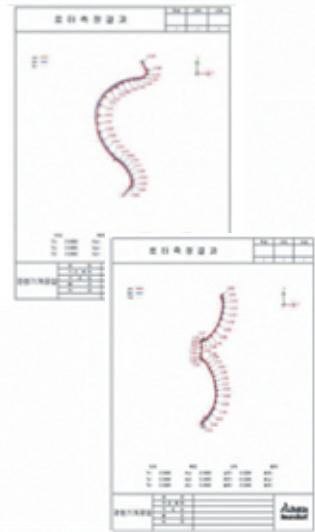
Sử dụng máy mài hiện đại tạo ra khoảng cách tối ưu nhất giữa rô to và vỏ đầu nén.

▶ Quy trình chỉnh cân bằng

Rô to của Kyungwon đạt tiêu chuẩn cấp độ cân bằng G2.5.



● Quản lý chất lượng nghiêm ngặt



▲ Kiểm tra kích thước rô to

Kyungwon sử dụng máy đo 3 chiều để kiểm tra kích thước rô to, đảm bảo đầu nén hoạt động hoàn hảo nhất.

● Kiểm tra hoạt động hoàn thiện



▲ Máy kiểm tra hoạt động

Quy trình kiểm tra gồm trên 20 tiêu chí. Kiểm tra hoàn hảo nhiệt độ, áp suất, lưu lượng, công suất đầu nén đã hoàn thành.

Hệ Truyền Động Trực Tiếp

● Đầu nén lớn và hệ truyền động trực tiếp hiệu suất cao

- Các model máy nén khí lớn của Kyungwon (30~200HP) sử dụng hệ thống truyền động kết nối trực tiếp với đầu nén.
- Hệ truyền động trực tiếp tăng hiệu suất truyền, không sử dụng dây đai để tránh tổn thất do trượt dây.
- Hệ truyền động trực tiếp không cần phải thay thế dây đai, giảm tiếng ồn.
- Kyungwon chỉ sử dụng động cơ hiệu suất cao đã chứng nhận bởi chính phủ Hàn Quốc.



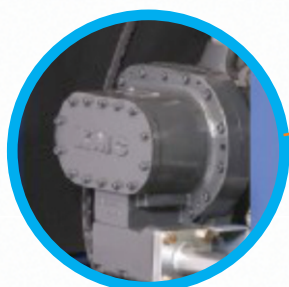
HOẠT ĐỘNG ÊM ÁI

● Bạn nói chuyện dễ dàng bên cạnh máy đang hoạt động

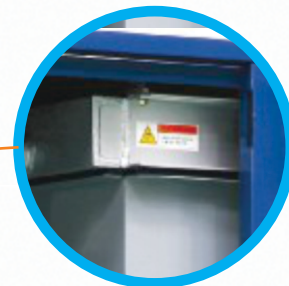
- ◆ Đầu nén thể mới của Kyungwon hoạt động êm ái ngay cả ở tốc độ cao
 - Kinh nghiệm chế tạo 30 năm tích lũy trong đầu nén biên dạng “α”.
 - Vỏ đầu nén thiết kế tối ưu qua những phân tích kết cấu.
 - Rô to gia công chính xác cao.
- ◆ Mô phỏng tối ưu luồng khí làm mát, bộ giảm âm quạt Sirocco có thiết kế giảm tối đa tiếng ồn.
- ◆ Triệt tiêu tiếng ồn do máy rung nhờ sử dụng ống nối mềm bằng thép không gỉ.
- ◆ Giảm thiểu cộng hưởng âm thanh.
- ◆ Ống thông gió làm giảm tiêu thụ điện năng và tiếng ồn khi chạy không tải.



Đầu nối ống thiết kế chống rung



Đầu nén thể hệ mới



Kết cấu chống rung hoàn toàn



Quạt Sirocco hiệu suất cao và tiếng ồn thấp

● Mức độ ồn thấp

Mặt trái	
AS31	65dB(A)
AS51	68dB(A)
AS101	74dB(A)

Mặt trước	
AS31	63dB(A)
AS51	65dB(A)
AS101	72dB(A)



Mặt sau	
AS31	66dB(A)
AS51	67dB(A)
AS101	75dB(A)

Mặt phải	
AS31	64dB(A)
AS51	66dB(A)
AS101	75dB(A)

THIẾT KẾ THÂN THIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG

○ Vận hành dễ dàng

- Dễ dàng vận hành máy từ bàn phím bảng điều khiển.
- Hỗ trợ đa ngôn ngữ (tiếng Anh, Hàn, Trung Quốc, Nga, Bồ Đào Nha)
- Cấu trúc menu điều khiển hình tháp cho người mới bắt đầu sử dụng dễ dàng hơn.
- Màn hình điều khiển LCD rộng, quan sát trực quan.
- Nhật ký 60 sự kiện giúp theo dõi và bảo vệ máy hoạt động ổn định.



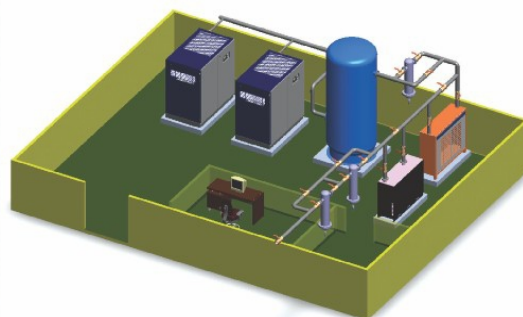
○ Bảo dưỡng nhẹ nhàng

- Mở cửa trước máy để thay thế linh kiện một cách dễ dàng và nhanh chóng.
- Ống kết nối sử dụng mặt bích chất lượng cao cấu trúc O-ring giúp chi phí bảo dưỡng thấp hơn.
- Van xả dầu và cửa châm dầu vào đường kính lớn tiết kiệm thời gian khi thay dầu.
- Đồng hồ đo áp suất lắp trên bình chứa dầu (trong bình có tách dầu - nước) rất hữu dụng khi kiểm tra, bảo dưỡng máy.



○ Lắp đặt thuận tiện

- ◆ Máy nén khí trực vít Kyungwon có tiếng ồn và độ rung thấp, có thể lắp đặt dễ dàng, tiện lợi và tiết kiệm chiều dài ống.
 - ☞ Chiều dài đường ống ngắn hơn sẽ giảm tổn thất áp suất và giảm chi phí vận hành.
 - ☞ Chiều dài đường ống ngắn giúp giảm chi phí lắp đặt.
 - ☞ Máy hoạt động êm nên không cần thiết phải có phòng máy riêng biệt.
- ◆ Kích thước ống dẫn khí thải đã được giảm xuống trong khi đảm bảo an toàn hoạt động ở nhiệt độ môi trường cao.
- ◆ Giảm chi phí cho việc lắp đặt ống xả.
- ◆ Máy nhỏ gọn, có thể lắp đặt ở nơi không gian hạn chế.



○ Độ bền cao

- Luồng khí làm mát được thiết kế dựa trên kết quả phân tích đồng nhất trên lưu lượng không khí đầu vào - đầu ra. Ổn định nhiệt độ khí đầu vào để đảm bảo nhiệt độ khí đầu ra ổn định.
- Quạt làm mát và quạt động cơ giúp máy hoạt động ổn định ngay cả ở nhiệt độ môi trường 50°C.
- Thiết kế ổ bi đầu nén thế hệ mới của Kyungwon cho phép thời gian sử dụng 100.000 giờ.



○ Linh kiện chính hãng cho hiệu quả tối đa

- Lọc khí, lọc dầu, tách dầu của Kyungwon được phát triển bởi các công ty nổi tiếng thế giới.
- Van hút, van rẽ nhánh, van áp suất tối thiểu MPV...trải qua 500.000 lần kiểm tra đảm bảo khả năng hoạt động ổn định trong mọi điều kiện.
- Dầu máy chính hiệu Kyungwon được phát triển trong mối quan hệ hợp tác với các công ty dầu nổi tiếng thế giới, đảm bảo về chất lượng và thời gian sử dụng.
- Tất cả các vi điều khiển EMI và EMC của Kyungwon đạt chứng nhận CE phù hợp với động cơ sử dụng.



○ Hệ thống đảm bảo chất lượng 5 bước

- ◆ **Thiết kế mô phỏng 3-D:** Tất cả sản phẩm của Kyungwon được thiết kế, thực hiện và hoàn thiện trong mô phỏng với các điều kiện thực tế.
- ◆ **Kiểm tra ALT (Kiểm tra bằng cách đẩy nhanh quá trình sử dụng):** Toàn bộ linh kiện máy nén khí Kyungwon đều phải vượt qua kiểm tra ALT và kiểm tra độ bền.
- ◆ **Kiểm tra hiệu năng:** Kiểm tra hiệu năng hoạt động của máy một cách kỹ càng theo tiêu chuẩn ISO và KS.
- ◆ **Kiểm tra mô phỏng:** Thực hiện kiểm tra mô phỏng trong các điều kiện làm việc khắc nghiệt hơn điều kiện làm việc thực tế nhằm kiểm tra độ bền của sản phẩm.
- ◆ **Kiểm tra tại hiện trường:** Kiểm tra một cách kỹ lưỡng tại hiện trường lắp đặt của khách hàng sau khi máy đã vượt qua được tất cả các bước kiểm tra ở nơi sản xuất.



MÁY NÉN KHÍ SỬ DỤNG BIẾN TẦN (Series AS V)



Đặc điểm và lợi ích

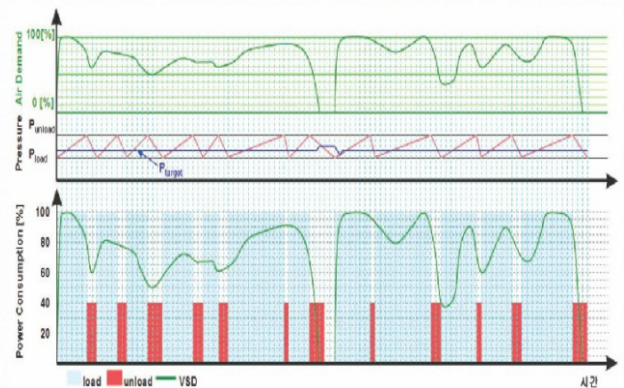
- Sử dụng biến tần hiệu suất cao đã được cấp chứng chỉ CE và UL phù hợp với giải pháp EMC.
- Cài đặt áp suất mục tiêu, có thể tiết kiệm tới 30% điện năng.
- Điều khiển tốc độ đầu nén theo nhu cầu khí đầu ra.
- Cài đặt áp lực xả tự do.
- Có phương án dự phòng để máy hoạt động khi biến tần không sử dụng được.

- ❶ Biến tần và tủ điều
- ❷ Động cơ chính
- ❸ Bình tách dầu
- ❹ Đầu nén
- ❺ Cụm lọc hút
- ❻ Bộ làm mát dầu và làm mát khô cuối
- ❼ Bộ điều khiển biến tần

Tham chiếu máy nén khí sử dụng biến tần

Lợi thế tiêu thụ điện năng

- ◆ Hệ số nạp tải: 76,7%.
- ◆ Tổng công suất tiêu thụ:
 - Công suất có tải: 89,2%.
 - Công suất không tải: 10,8%.
- ◆ Ở cùng mức tải, chạy máy sử dụng biến tần sẽ tiết kiệm được 10,8% điện năng so với chạy máy này khi không sử dụng biến tần.
- ◆ Với cùng áp suất mục tiêu, công suất máy nén có thể giảm thêm 5% điện năng tiêu thụ



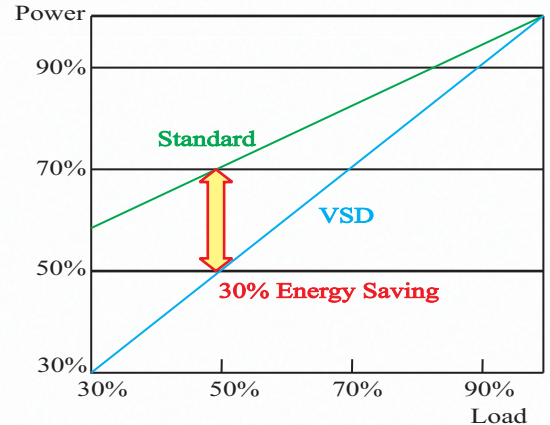
Bộ điều khiển biến tần

- ◆ Điều khiển tốc độ động cơ theo yêu cầu khí nén đầu ra.
- ◆ Trạng thái làm việc của biến tần hiển thị trên màn hình.
- ◆ Mức tiếng ồn được kiểm tra và chứng nhận bởi EMC.



● Máy nén khí trục vít sử dụng biến tần tiết kiệm năng lượng

- Giảm điện năng tiêu thụ khi máy chạy không tải: Thay đổi tốc độ động cơ phù hợp yêu cầu hệ thống.
- Chỉ sản xuất đủ lượng khí nén theo nhu cầu, không sản xuất khí nén không cần thiết để tránh tổn thất năng lượng.
- Áp suất mục tiêu: Điều khiển áp suất ổn định thỏa mãn nhu cầu hệ thống.
- Biến tần (khởi động mềm) giúp mô tơ khởi động tiết kiệm điện năng và nâng cao tuổi thọ.



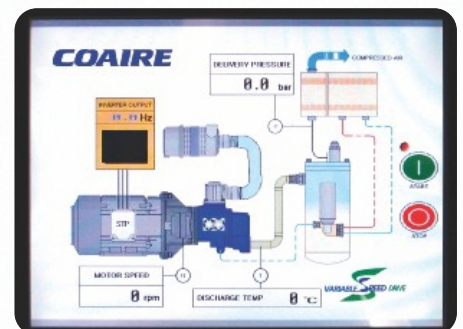
● Ứng dụng của máy nén khí trục vít biến tần

- ◆ Khi nhu cầu khí nén thay đổi trong phạm vi rộng.
 1. Dây chuyền sản xuất có nhu cầu khí nén thay đổi.
 2. Nhu cầu khí nén thay đổi theo ca ngày và ca đêm.
 3. Nhu cầu khí nén thay đổi theo tháng / theo mùa.
- ◆ Có kế hoạch mở rộng dây chuyền sản xuất khí cần thiết.
- ◆ Trong dây chuyền sử dụng nhiều máy nén khí: Máy nén khí tiêu chuẩn sản xuất khí nén ở mức cố định + máy nén khí biến tần sản xuất khí nén khi nhu cầu tăng cao.
- ◆ Hệ thống có yêu cầu áp lực tĩnh ổn định.



● Tùy chọn

- ◆ Màn hình cảm ứng 10 inches.
 - ☞ Dễ dàng theo dõi trạng thái làm việc.
 - ☞ Không cần ghi nhật ký theo dõi máy (sau khi sao lưu dữ liệu kết xuất ra file excel).
 - ☞ Dễ dàng cài đặt cấu hình, vận hành và quản lý máy.
 - ☞ Tự lập đồ thị phân tích xu hướng nhu cầu khí nén (hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng).
 - ☞ Có thể đặt lịch chạy máy.



MODEL ĐA DẠNG

AS Series



- Công suất: 30~40HP.
- Truyền động trực tiếp.
- Bảng điều khiển Micom tiêu chuẩn.
- Động cơ hiệu suất cao.
- Quạt Sirocco.
- Bộ làm mát áp suất cao, hiệu năng cao (áp suất làm việc 16kg/cm²).
- Đồng hồ báo mức dạng phao.

- Công suất: 50~250HP.
- Truyền động trực tiếp.
- Bảng điều khiển Micom tiêu chuẩn.
- Động cơ hiệu suất cao.
- Quạt Sirocco.
- Bộ làm mát áp suất cao, hiệu năng cao (áp suất làm việc 16kg/cm²).
- Đồng hồ báo mức dạng phao.
- Tùy chọn:
 - Loại làm mát bằng nước.
 - Khởi động mềm.



- Công suất: 300~500HP.
- Truyền động trực tiếp.
- Bảng điều khiển Micom tiêu chuẩn.
- Động cơ hiệu suất cao.
- Hai bình chứa dầu dạng tháp.
- Đầu nén nổi tiếng thế giới.
- Tùy chọn:
 - Màn hình cảm ứng 10 inches.
 - Loại làm mát bằng nước.
 - Khởi động mềm.
 - Điện áp cao.

MODEL ĐA DẠNG THỎA MÃN YÊU CẦU KHÁCH HÀNG

AS V Series (loại biến tần)

- Công suất: 50~200HP.
- Biến tần chứng nhận bởi CE.
- Truyền động trực tiếp.
- Động cơ hiệu suất cao.
- Bộ điều khiển chuyên biệt cho bộ biến tần.
- Bộ làm mát áp suất cao, hiệu năng cao (áp suất làm việc 16kg/cm²).
- Tùy chọn:
 - Màn hình cảm ứng 10 inches.
 - Loại làm mát bằng nước.



AS B Series (truyền động dây đai)

- Công suất: 20HP.
- Dây đai 3V.
- Kết cấu gọn gàng, đơn giản.
- Tách dầu vận.
- Bảng điều khiển Micom rút gọn.
- Tùy chọn: Bảng điều khiển Micom tiêu chuẩn.

AS P Series (dây đai mini)

- Công suất: 7.5~20HP.
- Đầu nén rotor mạnh mẽ.
- Ống thép không gỉ linh hoạt.
- Độ bền cao kết hợp hệ thống làm mát được thiết kế chịu đựng được áp lên đến 15 bar.
- Quạt hiệu suất cao và độ ồn thấp.
- Bảng điều khiển Micom tiêu chuẩn.



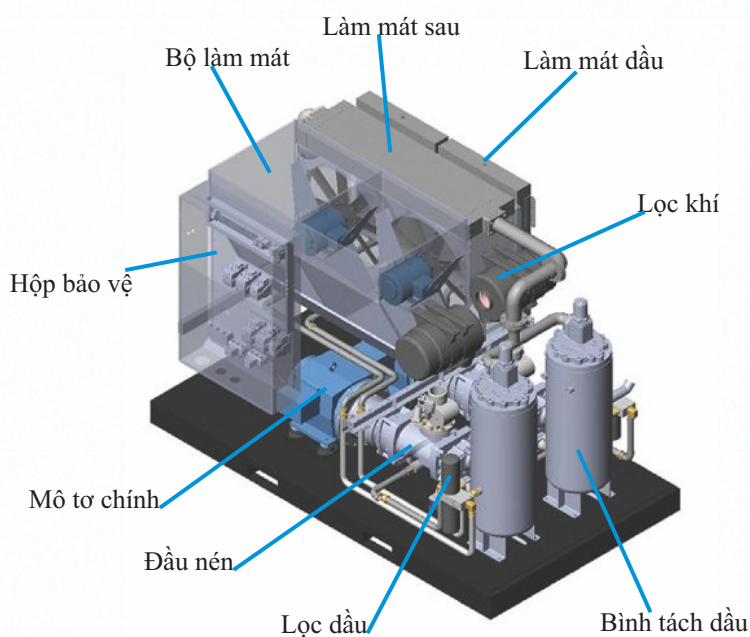
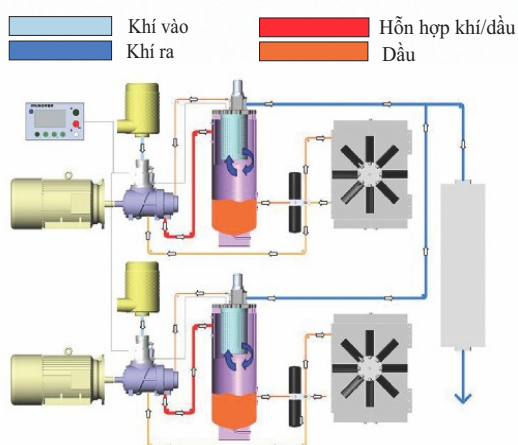
MÁY NÉN KHÍ BỘ ĐÔI

■ 300HP~500HP



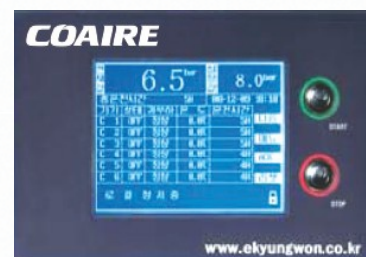
○ Tính năng và lợi ích

- Nhiều chế độ hoạt động theo yêu cầu sử dụng khí nén:
 - Kết hợp hoạt động của hai máy nén A và B.
 - Hoạt động đồng thời cả hai máy nén A và B.
 - Hai máy nén A, B chạy độc lập.
- Hệ thống máy nén kép:
 - Hai hệ thống máy nén độc lập nhau
 - Tính năng cân bằng tải 5 cấp độ (0%, 20%, 40%, 70%, 100%) tiết kiệm năng lượng.
 - Tải tuần tự làm giảm điện năng tiêu thụ.
- Bộ làm mát dầu và làm mát khô cuối dễ dàng tháo lắp khi bảo dưỡng.
- Máy nén được trang bị tất cả các tính năng cần thiết và thuận tiện đảm bảo hoạt động tốt ở các chế độ khác nhau trong điều kiện môi trường làm việc.



Thiêt kế thân thiện người dùng

- Màn hình cảm ứng 6 inch với giao diện menu thả xuống.
- Dễ dàng lựa chọn chế độ làm việc (chế độ hoạt động kết hợp, song song hay hoạt động độc lập).
- Cung cấp nhiều thông tin (trạng thái làm việc, chu kỳ thay thế thiết bị).
- Cài đặt lịch chạy máy hàng ngày, hàng tuần.
- Hỗ trợ nhiều ngôn ngữ (Hàn, Trung, Anh, Nga, Bồ Đào Nha).



Độ tin cậy cao

- Đầu nén biên dạng “α” hiệu suất cao.
- Sử dụng ổ bi kép bên bi, thời gian sử dụng lên đến 100.000 giờ.
- Sử dụng hệ 2 phốt chặn dầu hoặc 3 phốt trên trục tránh rò rỉ.
- Giảm tối đa dầu trong khí nén nhờ 2 hệ thống tách dầu.

Bộ làm mát tối ưu

- Két làm mát dầu có thiết kế dễ dàng kiểm tra và vệ sinh khi bảo dưỡng.
- Quạt làm mát nhiều cánh tản nhiệt hiệu suất cao.
- Sử dụng mô tơ quạt cấp bảo vệ H.



Thông số kỹ thuật

Loại AS K: Máy bộ đôi (50Hz)

Loại máy	Áp suất làm việc tối đa		Lưu lượng khí		Công suất động cơ		Độ ồn dB(A)	Kích thước (DxRxC) mm	Khối lượng kg	Kích thước ống khí ra A(B)
	kgf/cm ² G	psig	m ³ /phút	cfm	KW	HP				
AS301K	7,0	100	41,4	1462	110x2	300	82	3500x1940x2300	4922	100(4)
	8,0	120	40,3	1423						
	9,5	135	40,2	1420						
AS401K	7,0	100	53,0	1872	160x2	430	87	3500x1940x2300	5872	100(4)
	8,5	120	48,0	1695						
	9,5	135	45,4	1603						
AS501K	7,0	100	67,0	2366	200x2	536	90	3800x2140x2450	6132	125(5)
	8,0	120	61,7	2178						
	9,5	135	55,0	1942						

Giải thích

AS102	W	E	B
Model	Loại	Điện năng	Áp suất

Điện năng		Áp suất	
C	220V/3PH/60Hz	B	7.0kgf/cm ² G
E	380V/3PH/60Hz	E	8.5kgf/cm ² G
F	440V/3PH/60Hz	G	9.5kgf/cm ² G
L	220V/3PH/50Hz		
M	380V/3PH/50Hz		
P	415V/3PH/50Hz		
R	440V/3PH/50Hz		

1. Loại: Tiêu chuẩn - không ghi ký hiệu, B: Dẫn động dây đai, W: Loại làm mát bằng nước, V: Loại biến tần, P: Dây đai mini.
2. Xin gửi cho chúng tôi yêu cầu về công suất động cơ và dải áp suất không được liệt kê ở trên.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại AS (50Hz)

Loại máy	Áp suất làm việc tối đa		Lưu lượng khí		Công suất động cơ		Độ ồn dB(A)	Kích thước (DxRxC) mm	Khối lượng kg	Kích thước ống khí ra A(B)
	kgf/cm ² G	psig	m ³ /phút	cfm	KW	HP				
AS31	7,0	100	3,7	131	22	30	63	1400x830x1350	700	25(1)
	8,5	120	3,5	123						
	9,5	135	3,1	109						
AS41	7,0	100	4,8	170	30	40	65	1400x830x1350	785	25(1)
	8,5	120	4,5	159						
	9,5	135	4,2	148						
AS51	7,0	100	6,5	229	37	50	65	1660x1030x1607	1030	40(1½)
	8,5	120	6,0	212						
	9,5	135	4,4	155						
AS76	7,0	100	10,7	378	55	75	72	2000x1210x1857	1630	50(2)
	8,5	120	9,0	318						
	9,5	135	8,0	283						
AS102	7,0	100	13,7	483	75	100	75	2000x1210x1857	1685	50(2)
	8,5	120	12,5	441						
	9,5	135	10,2	360						
AS151	7,0	100	20,7	731	110	150	78	2550x1470x2156	2785	65(2½)
	8,0	120	20,3	717						
	9,5	135	20,1	710						
AS201	7,0	100	26,5	936	150	200	79	2700x1640x2156	2950	80(3)
	8,5	120	24,0	848						
	9,5	135	22,7	802						
AS251	7,0	100	31,5	1112	190	250	81	2700x1640x2156	3250	80(3)
	8,0	120	31,0	1095						
	9,5	135	30,9	1091						
AS301	7,0	100	40,0	1413	225	300	84	3500x1940x2300	6200	100(4)
	8,5	120	38,5	1360						
	9,5	135	32,6	1151						
AS351	7,0	100	42,8	1511	265	350	87	3500x1940x2300	6350	100(4)
	8,5	120	41,9	1480						
	9,5	135	41,9	1480						

Giải thích

AS102	W	E	B
Model	Loại	Điện năng	Áp suất

Điện năng		Áp suất	
C	220V/3PH/60Hz	B	7.0kgf/cm ² G
E	380V/3PH/60Hz	E	8.5kgf/cm ² G
F	440V/3PH/60Hz	G	9.5kgf/cm ² G
L	220V/3PH/50Hz		
M	380V/3PH/50Hz		
P	415V/3PH/50Hz		
R	440V/3PH/50Hz		

- Loại: Tiêu chuẩn - không ghi ký hiệu, B: Dẫn động dây đai, W: Loại làm mát bằng nước, V: Loại biến tần, P: Dây đai mini.
- Xin gửi cho chúng tôi yêu cầu về công suất động cơ và dải áp suất không được liệt kê ở trên.

Loại AS B: Truyền động bằng dây đai (50Hz)

Loại máy	Áp suất làm việc tối đa		Lưu lượng khí		Công suất động cơ		Độ ồn dB(A)	Kích thước (DxRxC) mm	Khối lượng kg	Kích thước ống khí ra A(B)
	kgf/cm ² G	psig	m ³ /phút	cfm	KW	HP				
AS7B	7,0	100	0,83	29	5,5	7,5	62	1100x730x1275	325	20($\frac{3}{4}$)
	9,0	128	0,64	23						
AS10B	7,0	100	1,20	42	7,5	10	63	1100x730x1275	350	20($\frac{3}{4}$)
	9,0	128	1,00	35						
AS15B	7,0	100	1,90	67	11	15	65	1100x730x1275	394	20($\frac{3}{4}$)
	9,0	128	1,50	53						
AS21B	7,0	100	2,60	92	15	20	68	1400x830x1350	580	25(1)
	8,5	120	2,20	79						
	9,5	135	1,00	69						

Loại AS V: Biến tần (50Hz)

Loại máy	Áp suất làm việc tối đa		Lưu lượng khí		Công suất động cơ		Độ ồn dB(A)	Kích thước (DxRxC) mm	Khối lượng kg	Kích thước ống khí ra A(B)
	kgf/cm ² G	psig	m ³ /phút	cfm	KW	HP				
AS51V	7,0	100	2,3~5,8	82~205	37	50	65	1660x1130x1607	1100	40($1\frac{1}{2}$)
	8,5	120	2,3~5,7	81~201						
	9,5	135	2,2~5,6	79~198						
AS76V	7,0	100	4,2~10,4	147~367	55	75	72	2000x1210x1857	1730	50(2)
	8,5	120	3,6~8,9	126~314						
	9,5	135	3,4~8,5	120~300						
AS101V	7,0	100	5,0~12,5	177~441	75	100	75	2000x1210x1857	1770	50(2)
	8,5	120	5,0~12,4	175~438						
	9,5	135	4,9~12,3	174~434						
AS151V	7,0	100	8,3~20,7	292~731	132	175	78	3050x1470x2156	2970	65($2\frac{1}{2}$)
	8,5	120	8,1~20,3	287~717						
	9,5	135	8,0~20,1	284~710						
AS201V	7,0	100	9,8~24,5	346~865	160	215	79	3200x1640x2156	3250	80(3)
	8,5	120	9,6~24,0	339~848						
	9,5	135	9,4~23,5	332~830						

Giải thích

AS102	W	E	B
Model	Loại	Điện năng	Áp suất

Điện năng		Áp suất	
C	220V/3PH/60Hz	B	7.0kgf/cm ² G
E	380V/3PH/60Hz	E	8.5kgf/cm ² G
F	440V/3PH/60Hz	G	9.5kgf/cm ² G
L	220V/3PH/50Hz		
M	380V/3PH/50Hz		
P	415V/3PH/50Hz		
R	440V/3PH/50Hz		

- Loại: Tiêu chuẩn - không ghi ký hiệu, B: Dẫn động dây đai, W: Loại làm mát bằng nước, V: Loại biến tần, P: Dây đai mini.
- Xin gửi cho chúng tôi yêu cầu về công suất động cơ và dải áp suất không được liệt kê ở trên.



Kyungwon Machinery Co., Ltd

Main Office: 74, Mayu-ro 238 beon-gil, Siheung-si, Gyeonggi-do
429-850, Korea

Tel: 82-31-496-2031 Fax: 82-31-319-4910

www.coaire.co.kr